

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/DSST
Ngày: 31 - 8 - 2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Ngọc Giới;
2. Bà Nguyễn Thị Yển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Thuỳ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2020/TLST- DS ngày 08 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp “ Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXX-ST ngày 13 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

N đơn: Bà Dương Thị X, sinh năm 1961 “có mặt”.

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Chị Triệu Thị M, sinh năm 1982 “có đơn vắng mặt”.

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Đinh Văn Thân, sinh năm 1979 “vắng mặt”.

Địa chỉ: Thôn V, xã T, L, Bắc Giang.

Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1960 “vắng mặt”.

Địa chỉ: Thôn C, xã T, L, Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/6/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại Phiên tòa n đơn bà Dương Thị X trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên bà đã cho chị Triệu Thị M vay hai lần tiền gồm: lần thứ nhất vào ngày 22/10/2018 vay số tiền 200 triệu đồng, thời hạn trả tiền 30/10/2018; lần thứ hai vào ngày 12/11/2018 vay số tiền 100 triệu đồng, thời hạn trả tiền ngày 20/11/2018. Khi vay hai khoản tiền trên hai bên đều có làm giấy biên nhận, chị M trực tiếp nhận tiền và ký nhận nợ. Mục đích chị M nói vay tiền của bà để đảo sổ vay Ngân hàng (còn thực chất sử dụng vào việc gì bà không nắm rõ). Lãi suất hai bên có thoả thuận miệng ngoài là 1,5%/tháng. Đến nay chị M trả được cho bà 13.500.000đồng tiền lãi, chưa trả tiền gốc. Nay đến hạn trả nợ, chị M không trả khoản tiền vay trên nên bà yêu cầu chị M phải trả cho bà số nợ gốc là 300 triệu đồng, bà không yêu cầu trả tiền lãi. Do khi vay tiền bà, bà chỉ giao dịch thoả thuận với chị M, không có sự nhất trí của chồng chị M là anh Đinh Văn Thân nên bà đồng ý chỉ yêu cầu một mình chị M có trách nhiệm trả nợ số tiền trên cho bà. Bà xác định khoản tiền bà cho chị M vay không phải là tiền chung của vợ chồng bà và không liên quan đến chồng bà là ông Nguyễn Văn N. Về lãi suất chậm thi hành án bà đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 08/7/2020 và các lời khai tiếp theo chị Triệu Thị M trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày trên của bà Dương Thị X, xác định vay hai lần tiền của bà X: lần thứ nhất vào ngày 22/10/2018 vay số tiền 200 triệu đồng, thời hạn trả tiền 30/10/2018; lần thứ hai vào ngày 12/11/2018 vay số tiền 100 triệu đồng, thời hạn trả tiền ngày 20/11/2018. Nay chị còn nợ bà X số tiền gốc 300 triệu đồng. Số tiền này một mình chị vay của bà X không liên quan đến chồng chị là anh Đinh Văn Thân và chị đồng ý một mình trả số tiền 300 triệu cho bà X nhưng nay do hoàn cảnh khó khăn chị xin trả dần cho bà X.

Ông Nguyễn Văn N (chồng bà X) trình bày: Ông xác định khoản tiền bà X cho chị M vay là tài sản riêng của bà X, ông không liên quan và không có yêu cầu gì.

Anh Đinh Văn Thân: Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản nhưng anh Thân không trình bày quan điểm cũng như không đến Toà án làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Toà án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về phía các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 463; Điều 466; Điều 468;

khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự. Điều 147, 227; 227; 228; 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị X, buộc chị Triệu Thị M phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà X số tiền nợ 300 triệu đồng.

Ngoài ra còn đề xuất về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Tại phiên tòa, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng tiến hành xét xử vụ án.

[2] **Về nội dung:** Chị M thừa nhận có vay của bà X hai lần tiền tổng cộng 300 triệu đồng (vào ngày 22/10/2018 vay 200 triệu đồng; ngày 12/11/2018 vay 100 triệu đồng), khi vay hai bên có lập thành văn bản. Nay bà X chỉ yêu cầu một mình chị M phải thanh toán khoản tiền trên và chị M cũng đồng ý một mình trả nợ không liên quan đến chồng chị là anh Thân. Xác định đây là giao dịch dân sự hợp pháp, hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, có lãi. Đến thời hạn thanh toán bên vay tiền không thực hiện việc trả nợ là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Nay bà X chỉ đòi tiền nợ gốc, không yêu cầu lãi. Do vậy căn cứ vào các Điều 463, Khoản 5 Điều 466, Điều 469, Khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự buộc chị M phải có trách nhiệm thanh toán cho bà X số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng.

Chị M còn phải trả lãi chậm thi hành án theo quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3] **Về án phí:** Bị đơn do là người dân tộc, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

[4] **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463; 466; 468; khoản 2 điều 470 Bộ luật dân sự. Điều 227; 228; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị X:

Buộc chị Triệu Thị M phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho bà Dương Thị X số tiền gốc 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh